

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BL  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Quyết

2. Bà Lục Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạ Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Tuấn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâu Thị L, sinh năm 1999; Nơi cư trú: xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: xóm KP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bế Kim T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

1. Người làm chứng:

Ông Dương Văn A; Nơi cư trú: xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Bà Ngô Thị B; Nơi cư trú: xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Bà Lý Thị N; Nơi cư trú: xóm KP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

4. Người phiên dịch tiếng Tày: Ông Ma Văn Đ; Nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2024 của nguyên đơn **Lâu Thị L**, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án. **Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lâu Thị L** và anh Dương Văn M đăng ký kết hôn ngày 05/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi họ tên của chị là Lâu Thị LL là do chị không biết chữ, phát âm không chuẩn nên đã khai từ **Lâu Thị L** thành Lâu Thị LL, đã được Ủy ban nhân dân xã QL xác nhận ngày 04/4/2024. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, anh M không chịu khó lao động, giúp đỡ vợ, con. Cụ thể: Lần 1, Năm 2020, chị không nhớ ngày tháng cụ thể, anh M đóng cửa nhà, dùng tay đánh, dùng chân đá nhiều lần vào người chị L, sau đó, anh M vứt hết quần áo của chị và các con ra ngoài; Lần 2, vào một ngày tháng 6 năm 2020, anh M đi uống rượu về, chị có cần nhần, anh M đã đập tú quần áo và đồ dùng trong gia đình, sau đó dùng tay tát vào mặt chị L; Lần 3, cũng vào năm 2020, anh M đi uống rượu về, hai bên có lời qua, tiếng lại, anh M đã đóng cửa, tắt điện, dùng dao kềm vào cổ dọa giết chị. Vì vậy, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm KP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng để sinh sống, sau đó, chị đi lao động tại tỉnh Bắc Giang. Nay, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh M có 02 con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các cháu đang do bố mẹ đẻ của anh M chăm sóc do anh M cũng đi lao động tại Hà Nội. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi cháu Dương Kim N, còn anh M nuôi cháu Dương Văn H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị L cung cấp ý kiến của mẹ đẻ là bà Lý Thị N có xác nhận của chính quyền địa phương về việc biết chị L và anh M đang làm thủ tục ly hôn, chị L có đề nghị được nuôi 01 cháu. Bà và gia đình nhất trí cho chị L và con của chị L sống cùng gia đình, bà sẽ hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Ngoài ra, chị L có sao kê tài khoản lương của chị thực lĩnh khi đi lao động tại Bắc Giang từ tháng 10/2023 đến tháng 2/2024, mỗi tháng chị nhận được số tiền lương từ

6.600.000 đồng đến 10.900.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh M có đề nghị Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh qua phương tiện Zalo, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt, quan điểm của anh M đối với vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M nhất với ý kiến của chị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, chị L làm đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý vì chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh và chị L đã có người đàn ông khác.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 và Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu để các cháu không bị bị xáo trộn tâm lý do các cháu đang được sống cùng nhau, có ông bà nội chăm, sóc nuôi dưỡng. Yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Dương Kim N mỗi tháng 1.400.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh M có nhà riêng, anh còn cung cấp bảng lương tháng 4 của anh là 10.000.000 đồng, đủ khả năng để nuôi dưỡng 02 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh M có đơn xin miễn án phí.

Kết quả xác minh tại địa phương ngày 04/4/2024:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M đều có đăng ký thường trú tại xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Anh M và chị L đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng ngày 05/6/2018. Giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh các con đều tên Lâu Thị LL là do quá trình chị L kê khai thông tin cá nhân. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi làm công nhân ở tỉnh khác, anh M ở nhà uống rượu, lười lao động, không quan tâm đến chị L. Tết năm 2023, chị L về nghỉ Tết, chị có liên lạc với anh M để đón chị nhưng anh M không đi. Vì nhớ các con nên chị nhờ em trai của chị đưa về nhà, chị có mang quà cho các con nhưng anh M đóng cửa, bỏ đi chơi, không cho chị L vào nhà. Nay, chị L làm đơn xin ly hôn với anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M và chị L có 02 con chung là Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 và Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bố mẹ đẻ của anh M, bố mẹ đẻ của anh M đã già yếu, điều kiện kinh tế hạn chế, việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy các cháu khó khăn. Trường hợp anh M, chị L ly hôn nên giao mỗi người nuôi 01 cháu.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai của ông Dương Văn Tâm và bà Ngô Thị B là bố mẹ đẻ của anh M, ông bà cho biết: Anh M và chị L được hai bên gia

đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, anh M và chị L có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Làu đi làm thuê ở tỉnh khác, anh M ở nhà nghi ngờ chị L có quan hệ với người đàn ông khác, anh M ném hòm quần áo ra ngoài, anh M hay uống rượu. Ông bà không muốn anh M và chị L ly hôn. Về con chung: Anh M và chị L có 02 con chung là Dương Văn H và Dương Kim N. Hiện nay, các cháu đều đang ở với ông bà vì M đang đi làm ở Hà Nội. Trường hợp anh M và chị L ly hôn, ông bà mong muốn M nuôi 01 cháu, ông bà sẽ hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc nuôi dưỡng.

#### Phản tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày, đề nghị Toà án giải quyết cho chị **Làu Thị L** được ly hôn anh Dương Văn M, về con chung, giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, về con chung, giao cho anh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi cả hai con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.400.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

#### Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự, người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, xử cho chị **Làu Thị L** được ly hôn anh Dương Văn M; Về con chung: Giao cho chị L và anh M mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con, giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; giao cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Làu Thị L** có đơn khởi kiện yêu cầu xin Ly

hôn, nuôi con chung với anh Dương Văn M, anh M có nơi cư trú tại xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

**Nguyên đơn Lầu Thị L, bị đơn Dương Văn M vắng mặt tại phiên toà và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng vắng mặt có lời khai, ý kiến trong hồ sơ vụ án; Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 2, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.**

[2] Về họ tên đầy đủ chính xác của nguyên đơn: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2018 ngày 05/6/2018 có ghi “Họ và tên vợ: Lầu Thị LL”, Bản sao Giấy khai sinh Dương Văn H, Dương Kim N ghi “Họ, chữ đệm, tên của người mẹ: Lầu Thị LL”. Căn cứ vào Bản sao căn cước công dân số 004199005895 cấp ngày 26/8/2021, Xác nhận thông tin về cư trú ngày 28/11/2023 tại Công an xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Đơn xin xác nhận hai tên là cùng một người ngày 04/4/2024 tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Biên bản xác minh ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện BL, có đủ cơ sở xác định, Lầu Thị LL trong giấy chứng nhận kết hôn 32/2018 ngày 05/6/2018 và giấy khai sinh của các cháu Dương Văn Hiến, Dương Kim N với **Lầu Thị L** trong Bản sao căn cước công dân là cùng một người, nguyên đơn có họ tên đầy đủ, chính xác là **Lầu Thị L**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lầu Thị L** và anh Dương Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị L trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do anh M có hành vi bạo lực với chị, đập phá đồ dùng gia đình, lười lao động như dùng tay đánh, dùng chân đá vào người chị, dùng tay tát vào mặt chị, đập tủ quần áo và đồ dùng trong gia đình, anh M đi uống rượu, không làm việc; còn anh M lại cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị L có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh đồng ý, vì chị không còn tình cảm với anh, chị đã có người đàn ông khác. Tòa án đã yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng nhưng các bên không cung cấp được các chứng cứ. Qua xác minh tại địa phương, xác định được, chị L, anh M có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L đi làm công nhân ở tỉnh khác, anh M ở nhà uống rượu, lười lao động, không quan tâm đến chị L; Lời khai của ông Dương Văn T và bà Ngô Thị B là bố mẹ đẻ của anh M xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L đi làm thuê ở tỉnh khác, anh M ở nhà nghỉ ngơi chị L có quan hệ với người đàn ông khác, anh M có ném hòm quần áo ra ngoài, anh M hay uống rượu. Do đó, không có căn cứ để xác định anh M có hành vi bạo lực với chị L, cũng như việc chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hai bên thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã

không còn tồn tại, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị **Lầu Thị L** và anh Dương Văn M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xin được ly hôn với anh Dương Văn M.

[4] Về tranh chấp nuôi con chung: Chị L và anh M có 02 con chung là Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 và Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bố mẹ đẻ của anh M tại xóm NL, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi cháu Dương Kim N, anh M có yêu cầu nuôi cả hai cháu. Xét yêu cầu được nuôi con khi ly hôn của chị L và anh M là có cơ sở theo khoản 1, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do các bên không thoả thuận được về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con để xem xét giao con cho các bên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Cụ thể, xét yêu cầu của chị L được nuôi cháu Dương Kim N, Chị L cung cấp sao kê tài khoản lương của chị thực lĩnh khi đi lao động tại tỉnh Bắc Giang từ tháng 10/2023 đến tháng 2/2024, mỗi tháng chị nhận được số tiền lương từ 6.600.000 đồng đến 10.900.000 đồng; bà Lý Thị N là mẹ đẻ của chị L có xác nhận bà và gia đình nhất trí cho chị L và con cháu về sống cùng, bà sẽ hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu, mặt khác, cháu N có giới tính nữ, còn nhỏ, về tâm sinh lý, giao cháu N cho chị L là mẹ đẻ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp, yêu cầu nuôi dưỡng cháu N của chị L là có cơ sở chấp nhận. Xét yêu cầu nuôi con của anh M, anh yêu có nguyện vọng nuôi cả hai cháu cũng là xuất phát từ tình yêu thương các con, tuy nhiên, xét về các điều kiện cho thấy, Về kinh tế, anh M có cung cấp bản lương tháng 4 của anh là 10.000.000 đồng, chị L cũng có mức lương tương ứng, hiện tại, anh đi làm xa, việc trông nom, chăm sóc giáo dục các con đều nhờ vào bố mẹ đẻ của anh; ông Tân, bà Lắc là bố mẹ đẻ của anh đã già yếu, kinh tế khó khăn, ông bà có lời khai chỉ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc nuôi dưỡng 01 cháu; Chính quyền địa phương cũng xác nhận, điều kiện kinh tế của anh chỉ có khả năng nuôi 01 cháu. Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, nên cháu Dương Văn H giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, mặc dù, ý kiến của cháu H là muốn được sống với chị L, nhưng xét quyền lợi về mọi mặt của cháu H, việc cháu H do anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp hơn cả; do vậy, chấp nhận yêu cầu của anh M được nuôi dưỡng cháu Dương Văn H, không chấp nhận yêu cầu của anh M được nuôi cháu Dương Kim N.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Anh M có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Dương Kim N mỗi tháng là 1.400.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Như trên đã phân tích, nhận định, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Kim N nên đề

nghị của anh M yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu N là không có cơ sở chấp nhận. Chị L không đề nghị cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh M xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị **Lâu Thị L** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận, Chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đề nghị nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147, khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228, khoản 2, Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lâu Thị L** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” đối với anh Dương Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lâu Thị L** được ly hôn với anh Dương Văn M.

2. Về con chung:

Giao cháu Dương Kim N, sinh ngày 01/9/2018 cho chị **Lâu Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Giao cháu Dương Văn H, sinh ngày 06/11/2016 cho anh Dương Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị **Lâu Thị L** và anh Dương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Lâu Thị L** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003560 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ*****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện BL;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Chi cục THADS huyện BL;
- UBND xã QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Hoàng Thị Kim**